

Vietnam Daily Review

Ngưỡng cản tâm lý 1300 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 2/6/2022	•		
Tuần 30/5-3/6/2022	•		
Tháng 6/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index hôm nay đã tiến thêm một bước đến gần hơn với ngưỡng 1300, đóng cửa tại mốc 1299.52, tăng gần 7 điểm so với phiên hôm qua. Các cổ phiếu nhóm ngành Dầu khí, Phân bón, Thủy sản, Cảng biển,... có phiên tăng điểm tích cực trong ngày hôm nay. 14/17 ngành tăng điểm, tuy nhiên số mã giảm lại nhiều hơn số mã tăng cho thấy dòng tiền đang tập trung vào một số mã nhất định đối với từng ngành. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Nhìn vào thanh khoản, có thể thấy nhà đầu tư vẫn đang e dè trước ngưỡng tâm lý 1300.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Mức biến động hiện tại của VN30 phù hợp với các nhà đầu tư giao dịch phái sinh ngắn hạn trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 01/06/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 3): PC1_Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn:

- VN-Index 6.84 điểm, đóng cửa 1299.52 điểm. HNX-Index -0.39 điểm, đóng cửa 315.37 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VCB (+1.93), GAS (+1.62), MSN(+0.94), VHM (+0.77), PGV(+0.50).
- Kéo chỉ số giảm: HPG (-0.39), ACB (-0.30), TCB (-0.26), DIG (-0.23), EIB (-0.21).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 13.855 tỷ đồng, giảm 3.02% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 16.049 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 16.24 điểm. Thị trường có 175 mã tăng, 59 mã tham chiếu và 275 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 598.34 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm DGC (148.62 tỷ), VHM (85.86 tỷ), DPM (79.99 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 57.15 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thành Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX 1299.52
Giá trị: 13855.17 tỷ 6.84 (0.53%)
Khối ngoại (ròng): 598.34 tỷ

HNX-INDEX 315.37
Giá trị: 1751 tỷ -0.39 (-0.12%)
Khối ngoại (ròng): 57.15 tỷ

UPCOM-INDEX 95.10
Giá trị: 0.89 tỷ -0.35 (-0.37%)
Khối ngoại(ròng): 59.7 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	116.4	1.52%
Giá vàng	1,830	-0.38%
Tỷ giá USD/VND	23,204	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	24,863	-0.15%
Tỷ giá JPY/VND	17,924	-0.55%
LS liên NH 1 tháng	2.3%	9.80%
LS TPCP 5 năm	2.5%	-0.24%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DGC	148.6	PNJ	-27.7
VHM	85.9	VRE	-24.7
DPM	80.0	GMD	-23.9
HPG	62.6	NKG	-20.3
MSN	46.0	HDG	-16.9

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Hiệu suất PTKT	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 01/06

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	114.67	-2.19%	4.46%	10.88%	69.83%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	122.84	0.96%	8.17%	14.18%	74.86%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	4.03	-0.24%	5.70%	14.76%	85.60%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1837.43	-1.01%	-1.53%	-1.36%	-3.30%		PNJ
Bạc	USD/ounce	21.55	-1.82%	-2.47%	-4.79%	-22.77%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1683.25	-2.81%	-0.58%	2.31%	8.70%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	1087.50	-6.05%	-5.82%	3.03%	56.81%		AFX
Sữa	USD /cwt	25.20	0.04%	0.48%	3.32%	32.84%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	250.90	0.76%	3.46%	0.84%	2.91%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	19.38	-1.17%	-1.87%	2.81%	9.55%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	2.67	0.00%	-0.74%	-13.87%	3.49%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	231.90	1.07%	8.54%	7.16%	43.99%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	4.30	-0.95%	-0.21%	0.77%	-7.87%	HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	4465.00	-5.48%	-4.45%	-14.28%	-6.88%		
Nhôm	USD/ton	2787.00	-3.51%	-3.95%	-4.26%	12.25%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	136.50	2.25%	3.41%	-3.87%	-32.26%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	428.00	6.73%	4.90%	42.76%	259.66%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 8 đóng cửa giảm 2 USD hay 1.7% xuống 115.6 USD/thùng. Hợp đồng kỳ hạn tháng 7 hết hạn trong phiên này, tăng 1.17 USD hay 1% lên 122.84 USD/thùng. Dầu thô WTI đóng cửa giảm 40 US cent hay 0.4% so với đóng cửa ngày 27/5, xuống 114.67 USD/thùng.
- Giá dầu quay đầu giảm sau một báo cáo rằng một số nhà sản xuất đang thăm dò ý tưởng về việc loại bỏ Nga khỏi thành viên thỏa thuận sản lượng OPEC+.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.7% xuống 1,842.5 USD/ounce, giá đã giảm gần 1% trong phiên này xuống 1,837.99 USD/ounce. Tính chung cả tháng giảm 2.9%, giảm mạnh nhất kể từ tháng 9/2021. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 8 đóng cửa giảm 0.5% xuống 1,848.4 USD/ounce.
- Giá vàng giảm gần 1% và có tháng thứ hai giảm liên tiếp, bởi USD mạnh lên và lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ tăng.

Giá sắt thép

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 9 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên tăng khoảng 3.8% lên 908 CNY/tấn vào buổi sáng, nhưng kết thúc phiên chỉ tăng 2.1% lên 893 CNY/tấn và tăng 2.6% trong tháng 5.
- Giá quặng sắt Trung Quốc chạm 900 CNY (135 USD)/tấn lần đầu tiên trong gần 6 tuần và ghi nhận một tháng tăng, do hy vọng nhu cầu phục hồi sau khi Thượng Hải mở cửa trở lại từ phong tỏa.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 11 trên sàn giao dịch Osaka đóng cửa tăng 1.8 JPY hay 0.7% lên 250 JPY (1.96 USD)/kg.
- Giá cao su Nhật Bản tăng do đồng JPY đi xuống khiến các tài sản định giá bằng đồng này giá phải chăng so với các đồng tiền khác, trong khi giá dầu mạnh khuyến khích chuyển từ cao su nhân tạo sang cao su tự nhiên.

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 7 đóng cửa tăng 1.8 US cent hay 0.8% lên 2.3125 USD/lb.
- Giá đường trắng kỳ hạn tháng 8 trên sàn giao dịch ICE đóng cửa giảm 2.4 USD hay 0.4% xuống 572.3 USD/tấn.

	1/6	% 1/6	31/5	% 31/5	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1299.52	0.53%	1292.68	-0.10%	2.45%	-3.81%
S&P 500			4132.15	-0.63%	3.99%	-3.62%
HĐTL S&P500	4135.75	0.11%	4131.25	-0.59%	4.95%	0.20%
Shang- hai	3182.16	-0.13%	3186.43	1.19%	2.40%	7.57%
Euro Stoxx	3795.54	0.17%	3789.21	-1.36%	3.22%	1.69%

Phân tích kỹ thuật
PC1_Tín hiệu hồi phục

- Điểm nhấn kỹ thuật:
- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
 - Chỉ báo xu hướng MACD: Đường MACD cắt đường tín hiệu đi lên
 - Chỉ báo RSI: Xu hướng hồi phục

Nhận định: PC1 có một phiên tăng điểm tốt với mẫu hình nền Marubozu gần như hoàn hảo. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên. Đường MACD cắt đường tín hiệu đi lên, chỉ RSI từ vùng quá bán đi lên cho thấy xu hướng hồi phục trở lại. Đường giá cổ phiếu nằm dưới MA(50) và MA(100) tuy nhiên lại nằm trên đường MA(20) cho thấy tín hiệu hồi phục mạnh mẽ. Nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 38.5, chốt lãi tại ngưỡng 43.3 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 35.2.



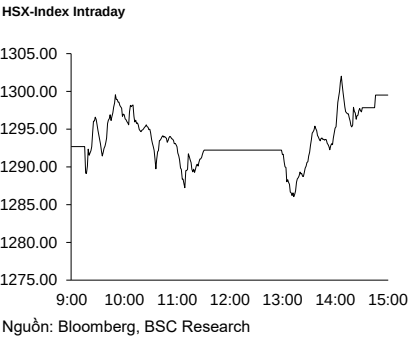
Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Bảng 1

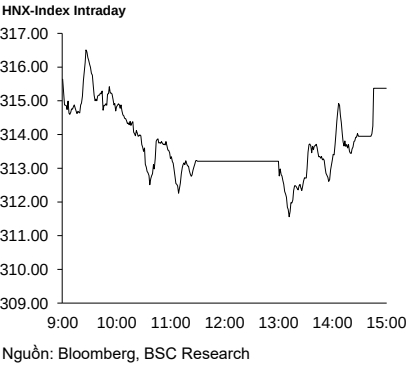
Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	4.73%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.61%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.17%
Dầu khí	1.96%
Thực phẩm và đồ uống	1.26%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.24%
Công nghệ Thông tin	1.22%
Hóa chất	1.15%
Bán lẻ	0.74%
Truyền thông	0.55%
Xây dựng và Vật liệu	0.49%
Bảo hiểm	0.32%
Ngân hàng	0.04%
Du lịch và Giải trí	0.01%
Bất động sản	0.00%
Dịch vụ tài chính	0.00%
Ô tô và phụ tùng	-0.18%
Y tế	-0.84%
Tài nguyên Cơ bản	-0.96%

Hình 1



Hình 2



Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

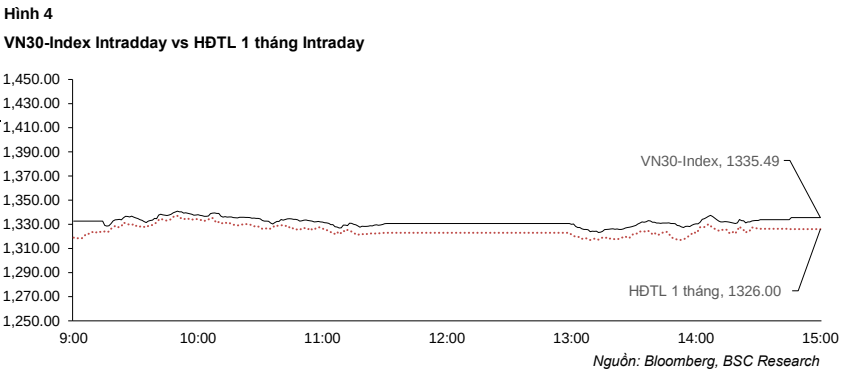
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
31/5/22	CTD	54.5	61	51	55.2	1	1.28%	Có thể giữ nguyên vị thế
30/5/22	PDR	55.3	61.3	52	54.5	2	-1.45%	Có thể giữ nguyên vị thế
27/5/22	MWG	146.7	162	136.7	145.5	5	-0.82%	Có thể giữ nguyên vị thế
26/5/22	DBC	25.3	30.2	22.5	24.95	6	-1.38%	Có thể giữ nguyên vị thế
25/5/22	FRT	121.8	154.1	112.4	131.5	7	7.96%	Có thể giữ nguyên vị thế
19/5/22	DCM	31.4	40	28	39.2	13	24.84%	Cân nhắc không mua thêm (**)
18/5/22	VCI	35	48	32.5	39.25	14	12.14%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
5/4/2022	POW	14.05	16.6	13	SL	5	-7.47%
5/3/2022	PC1	39.4	45	36.55	SL	6	-7.23%
4/28/2022	FPT	105.5	118.9	100	SL	10	-5.21%
4/27/2022	HPG	42.5	47	39.5	SL	12	-7.06%
4/26/2022	REE	73.9	86	69	TP	13	16.37%
4/16/2022	DRC	37.5	42	35	SL	4	-6.67%
4/15/2022	MIG	29.65	33.9	27.65	SL	5	-6.75%
4/14/2022	BWE	57.7	66	53.7	SL	11	-6.93%
4/13/2022	LHG	57.7	67.8	53.7	SL	7	-6.93%
4/6/2022	HT1	25.7	30	24.2	SL	9	-5.84%
4/5/2022	ELC	28.85	35	27	SL	3	-6.41%
4/4/2022	GVR	36.5	41.5	34	SL	8	-6.85%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	4	3	11.56%	-1.22%	6.08%	7
Cổ phiếu đã chốt	244	212	7.17%	-7.57%	4.25%	23

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2206	1326.00	0.42%	-9.49	44.8%	325,936	6/16/2022	17
VN30F2207	1326.00	0.61%	-9.49	100.3%	667	7/21/2022	52
VN30F2209	1323.90	0.80%	-11.59	-84.8%	88	9/15/2022	108
VN30F2212	1320.40	0.03%	-15.09	-83.3%	94	12/15/2022	199

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 2.90 điểm lên 1335.49 điểm. Các cổ phiếu như MSN, FPT, VHM, VCB và VIC đã tác động đến nhịp vận động tích cực của VN30. Mức biến động hiện tại của VN30 phù hợp với các nhà đầu tư giao dịch phái sinh ngắn hạn trong phiên.
- Các HDTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, hầu hết các HD đều tăng chỉ riêng HD VN30F2205 giảm so với phiên trước đó. Xét về vị thế mở có sự cân bằng khi HD VN30F2206 và VN30F22012 tăng, HD VN30F2205 và VN30F2209 giảm so với phiên trước đó. Nhịp vận động của VN30 vẫn tiếp tục quanh ngưỡng cân tâm lý 1340-1350 với mức thanh khoản trung bình tương đương 2 phiên trước đó.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT2108	7/6/2022	35	6:1	8,000	30.51%	3,280	2,100	12.90%	1,243	1.69	109,835	106,835	111,800
CPNJ2201	9/20/2022	111	8:1	138,000	38.74%	2,300	3,540	8.59%	3,112	1.14	99,260	95,500	117,300
CFPT2202	6/24/2022	23	10:1	397,600	30.51%	1,700	2,200	8.37%	2,238	0.98	115,300	89,700	111,800
CMWG2203	9/26/2022	117	7:1	26,000	31.01%	1,990	1,580	7.48%	1,437	1.10	160,530	148,000	145,500
CMWG2202	8/1/2022	61	6:1	462,700	31.01%	4,000	1,720	4.24%	1,361	1.26	150,520	145,000	145,500
CFPT2201	9/20/2022	111	8:1	577,000	30.51%	2,100	2,070	2.99%	1,431	1.45	107,680	106,000	111,800
CVHM2207	10/19/2022	140	8:1	8,700	26.59%	2,000	1,520	1.33%	503	3.02	73,240	73,000	70,300
CVIC2206	9/19/2022	110	10:1	83,400	25.37%	1,900	900	1.12%	352	2.56	117,300	82,500	79,300
CMWG2204	10/7/2022	128	10:1	139,400	31.01%	3,000	1,640	0.61%	1,210	1.36	166,200	45,000	145,500
CMWG2201	9/20/2022	111	10:1	110,200	31.01%	2,600	2,400	0.42%	1,725	1.39	213,500	134,500	145,500
CVNM2204	10/7/2022	128	10:1	386,000	22.60%	1,500	830	0.00%	391	2.13	84,100	73,000	71,900
CHDB2205	10/20/2022	141	5:1	65,800	38.44%	1,000	890	-1.11%	458	1.94	31,611	27,111	26,150
CVIC2202	8/15/2022	75	16:1	69,500	25.37%	1,100	600	-1.64%	170	3.53	97,902	82,222	79,300
CVIC2204	8/22/2022	82	16:1	105,100	25.37%	1,000	600	-1.64%	157	3.83	105,093	83,333	79,300
CVIC2202	8/15/2022	75	16:1	69,500	25.37%	1,100	600	-1.64%	170	3.53	97,902	82,222	79,300
CVRE2207	10/20/2022	141	8:1	295,100	38.92%	1,000	580	-1.69%	235	2.47	43,333	33,333	30,050
CVPB2203	7/15/2022	44	16:1	28,600	35.72%	1,000	500	-1.96%	174	2.87	53,688	28,888	30,850
CVRE2205	8/22/2022	82	5:1	316,000	38.92%	1,000	710	-2.74%	295	2.40	41,622	32,222	30,050
CNVL2202	8/15/2022	75	16:1	497,800	24.22%	1,000	520	-3.70%	179	2.90	116,959	79,999	78,000
CVPB2204	11/15/2022	167	16:1	6,100	35.72%	1,000	750	-6.25%	203	3.69	45,448	30,888	30,850
Tổng				3,782,500	30.59%**								
Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất							CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%							Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
	**Trung bình độ lệch chuẩn							*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 01/06/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2102 và CVHM2213 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 91.78% và 50.00%. Giá trị giao dịch tăng 11.39%, CHDB2201 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 28.75% thị trường.
- CHPG2117,CHDB2203, CPNJ2201 và CTPB2201 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHDB2201, CNVL2201, CNVL2202 và CNVL2204 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2203, CPNJ2201 và CFPT2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	145.5	0.4%	0.7	4,630	6.7	7,030	20.7	4.8	49.0%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	117.3	2.1%	0.7	1,236	5.8	5,443	21.6	3.6	52.2%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	52.9	0.6%	1.4	1,707	2.5	2,529	20.9	1.8	26.3%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	50.0	-1.0%	0.6	509	0.1	3,644	13.7	1.5	58.3%	11.1%
VIC	Bất động sản	79.3	0.6%	0.5	13,150	5.3	(578)	N/A	2.9	12.5%	-2.4%
VRE	Bất động sản	30.1	-0.3%	1.1	2,969	3.0	401	75.0	2.2	31.1%	3.0%
VHM	Bất động sản	70.3	1.0%	0.8	13,309	11.2	8,786	8.0	2.4	23.3%	34.5%
DXG	Bất động sản	27.0	-2.4%	1.4	713	8.6	1,503	18.0	1.8	30.4%	11.3%
SSI	Chứng khoán	29.6	-0.3%	1.6	1,275	18.5	3,023	9.8	2.0	34.4%	22.6%
VCI	Chứng khoán	39.3	0.6%	1.0	572	7.2	4,884	8.0	1.8	19.0%	26.9%
HCM	Chứng khoán	23.9	0.4%	1.6	474	3.0	2,619	9.1	1.4	42.5%	17.9%
FPT	Công nghệ	111.8	1.7%	1.0	4,444	9.9	5,152	21.7	5.3	49.4%	26.1%
FOX	Công nghệ	71.8	-0.4%	0.4	1,025	0.0	4,926	14.6	3.9	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	121.0	2.8%	1.0	10,069	9.2	5,109	23.7	4.2	2.8%	19.2%
PLX	Dầu khí	44.5	1.1%	1.5	2,458	2.5	1,950	22.8	2.2	17.2%	9.9%
PVS	Dầu khí	31.9	3.9%	1.6	663	18.3	1,408	22.7	1.3	9.2%	5.5%
BSR	Dầu khí	27.6	3.8%	0.8	3,721	18.4	2,108	13.1	2.3	41.1%	19.1%
DHG	Dược	92.9	-1.1%	0.3	528	0.0	6,105	15.2	3.4	54.2%	21.8%
DPM	Hóa chất	61.9	3.9%	1.2	1,053	15.0	12,920	4.8	2.0	14.7%	50.2%
DCM	Hóa chất	39.2	5.2%	1.2	902	13.9	5,643	6.9	2.3	9.5%	38.9%
VCB	Ngân hàng	80.5	2.0%	0.9	16,564	2.8	4,855	16.6	3.3	23.6%	21.1%
BID	Ngân hàng	35.2	-0.4%	1.2	7,731	1.6	2,266	15.5	2.1	16.8%	13.8%
CTG	Ngân hàng	27.8	-0.5%	1.5	5,798	5.0	2,558	10.9	1.4	26.1%	13.0%
VPB	Ngân hàng	30.9	-0.5%	1.2	5,963	13.4	3,874	8.0	1.6	17.4%	24.0%
MBB	Ngân hàng	27.6	-0.5%	1.3	4,534	4.7	3,623	7.6	1.6	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	31.1	-1.4%	1.1	3,654	4.8	3,852	8.1	1.7	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	59.8	0.0%	0.7	213	0.1	3,150	19.0	2.0	85.8%	10.7%
NTP	Nhựa	44.5	-0.7%	0.5	228	0.1	3,990	11.2	1.8	17.8%	16.9%
MSR	Tài nguyên	22.3	-1.3%	1.4	1,066	0.2	178	125.3	1.7	10.1%	1.4%
HPG	Thép	34.4	-1.0%	1.1	6,680	32.2	7,443	4.6	1.6	21.0%	40.4%
HSG	Thép	22.6	-0.9%	1.5	485	8.8	7,157	3.2	1.0	6.9%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	71.9	0.3%	0.6	6,533	3.8	4,390	16.4	4.7	54.5%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	153.1	-0.3%	0.8	4,269	2.4	5,969	25.7	4.6	62.6%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	115.0	2.3%	1.1	7,083	5.4	7,041	16.3	5.9	28.6%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	17.6	0.3%	1.6	480	1.7	1,144	15.3	1.3	8.4%	8.3%
ACV	Vận tải	86.9	0.0%	0.8	8,225	0.1	363	239.5	5.0	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	131.3	0.3%	1.1	3,092	3.8	361	363.3	4.2	16.8%	1.2%
HVN	Vận tải	18.6	-0.3%	1.7	1,791	0.8	(5,210)	N/A	N/A	6.0%	#VALUE!
GMD	Vận tải	58.5	4.8%	1.0	767	10.7	2,256	25.9	2.7	45.0%	10.8%
PVT	Vận tải	22.4	4.4%	1.4	315	4.6	2,088	10.7	1.4	11.5%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	92.7	-0.3%	0.9	645	0.2	10,540	8.8	2.8	3.2%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	40.9	2.0%	0.8	797	1.4	3,677	11.1	2.4	4.5%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	17.3	1.5%	1.1	287	0.6	783	22.1	1.3	1.9%	5.6%
CTD	Xây dựng	55.2	1.5%	1.3	177	2.4	(27)	N/A	N/A	44.8%	0.0%
CII	Xây dựng	22.3	0.5%	1.3	245	3.8	1,266	17.6	1.0	10.6%	6.1%
REE	Điện	95.5	5.5%	-1.4	1,476	4.7	5,994	15.9	2.5	49.0%	16.7%
PC1	Điện	38.5	3.9%	-0.4	394	3.1	3,238	11.9	1.9	5.0%	16.9%
POW	Điện	14.0	3.0%	0.6	1,420	11.7	859	16.2	1.1	2.1%	6.9%
NT2	Điện	24.0	2.6%	0.7	300	1.1	1,933	12.4	1.6	14.0%	13.1%
KBC	Khu công nghiệp	44.5	0.0%	1.5	1,114	4.5	1,154	38.5	1.7	18.6%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	73.3	0%	0.9	3,299	1.5	1,190	61.6	4.6	2.6%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	80.50	2.03	1.92	798800
GAS	121.00	2.80	1.60	1.74MLN
MSN	115.00	2.31	0.94	1.10MLN
VHM	70.30	1.01	0.77	3.70MLN
PGV	31.10	5.78	0.49	118300

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
HPG	0.00	-0.40	21.64MLN	1.11MLN
ACB	0.00	-0.31	3.52MLN	607060
TCB	0.00	-0.27	3.83MLN	373600
DIG	0.00	-0.24	9.35MLN	192700
EIB	0.00	-0.22	75400	611640

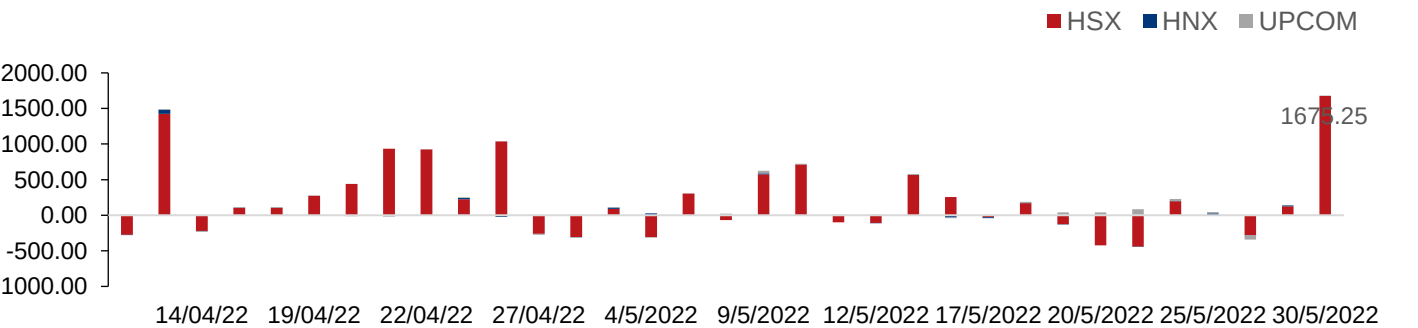
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACC	16.05	7.00	0.03	261500.00
HAH	88.80	6.99	0.10	3.53MLN
ACL	28.45	6.95	0.02	992800
IDI	26.20	6.94	0.10	6.20MLN
CMX	20.85	6.92	0.03	3.39MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VTO	10.15	-8.97	-0.02	374700
SMA	9.59	-6.89	0.00	5000
HOT	31.85	-6.87	-0.01	100.00
HAI	3.00	-6.83	-0.01	2.99MLN
ROS	3.83	-6.81	-0.04	8.14MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	111.8	5,152	21.7	5.3	Click
2	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	29.2	2,466	11.8	1.9	Click
3	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	28.8	11,559	2.5	1.0	Click
4	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	14.0	859	16.2	1.1	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	117.3	5,443	21.6	3.6	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	145.5	7,030	20.7	4.8	Click
7	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	22.4	2,088	10.7	1.4	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	229.8	18,902	12.2	5.4	Click
9	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	34.4	7,443	4.6	1.6	Click
10	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	44.5	1,154	38.5	1.7	Click
11	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	29.2	5,084	5.7	1.9	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	27.0	1,503	18.0	1.8	Click
13	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	128.4	8,596	14.9	5.7	Click
14	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	56.4	2,136	26.4	2.8	Click
15	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	31.5	2,917	10.8	2.0	Click
16	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	109.9	8,331	13.2	3.2	Click
17	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	30.4	1,941	15.7	1.4	Click
18	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	50.0	3,644	13.7	1.5	Click
19	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	31.9	1,408	22.7	1.3	Click
20	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	121.0	5,109	23.7	4.2	Click
21	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	22.3	3,141	7.1	1.4	Click
22	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	55.2	-27	#N/A N/A	0.5	Click
23	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	15.3	1,701	9.0	0.6	Click
24	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	12.4	1,350	9.2	0.6	Click
25	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	12.4	1,350	9.2	0.6	Click
26	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	15.6	2,433	6.4	1.2	Click
27	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	117.3	5,443	21.6	3.6	Click
28	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	117.3	5,443	21.6	3.6	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	145.5	7,030	20.7	4.8	Click
30	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	53.7	2,762	19.4	3.8	Click
31	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	46.5	1,900	24.5	2.0	Click
32	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	27.6	2,108	13.1	2.3	Click
33	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	19.0	1,034	18.4	1.1	Click
34	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	109.9	8,331	13.2	3.2	Click
35	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	37.0	2,916	12.7	2.0	Click
36	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	14.9	689	21.6	1.1	Click
37	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	25.0	2,054	12.1	1.2	Click
38	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	49.9	3019.9	16.5	2.0	Click
39	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	24.0	1,933	12.4	1.6	Click
40	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	121.0	5,109	23.7	4.2	Click
41	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	28.8	11,559	2.5	1.0	Click
42	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	42.0	1,878	22.4	2.6	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	71.9	4,390	16.4	4.7	Click
44	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	111.8	5,152	21.7	5.3	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	30.1	401	75.0	2.2	Click
46	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	229.8	18,902	12.2	5.4	Click
47	LHG	BĐS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	35.0	6,244	5.6	1.2	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
2	Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
4	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
6	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
7	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
8	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
9	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
10	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
11	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
12	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
14	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
15	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
16	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
17	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
18	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
20	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
21	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
22	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
24	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
25	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
26	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
27	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
29	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
30	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
31	Banking Sector Outlook		x	Click
32	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
33	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
34	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
35	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
36	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
37	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
38	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
39	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
40	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
41	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
42	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
43	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
44	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639